

**PHẬT-GIÁO HỘI**  
**ASSOCIATION BOUDDHIQUE**

**ĐUỐC - TUỆ**

TUẦN BÁO RA NGÀY 1<sup>o</sup> VÀ 15

Báo quan ở chùa Quán-Sứ N 73 Richaud, Hanoi



Chủ nhiệm : Nguyễn-năng-Quốc  
Chánh hội trưởng hội Phật-giáo  
Quản-ly : Cung đình-Bính

Chánh chủ-bút : Phan-chung-Thú  
Sư cụ chùa Bằng-Sở  
Phó chủ bút : Dương-vân-Hiền  
Sư cụ chùa Tể-Cát

**GIA BAO ;** Cả năm 1550. Nửa năm (\$80. Mỗi số 0\$07.

## KÍNH CÁO CÙNG CÁC QUÝ ĐỘC-GIẢ

Số báo Đuốc-Tuệ n. 121-122 ra mới rồi là hết năm 1939, còn số đầu năm 1940, số gì chậm trễ là vì giấy in bây giờ khó mua lắm, vả lại hết năm số sách, người thôi đi, người mới mua, sự xếp đặt cũng lâu lâu, vì thế mà phải chậm. mong rằng các Ngài cũng lượng cho, thế nào Bản báo cũng in đủ mỗi năm là 24 quyển, không hề bỏ thiếu.

Số báo trước Bản-báo đã nói rõ rằng các Ngài có gửi thơ từ về việc mua báo thì cứ theo cái thơ của Bản-báo đã in sẵn gập vào trong báo, chỉ lấy ra điền thêm mấy chữ vào các chỗ để chõng rồi mua cái tem thơ 3 xu dán vào mà gửi lên là được. (Ngài nào già tiền rồi hay do nhà Báo biểu thì không phải trả lời), thế mà có Ngài không theo thế lại viết thơ riêng mà dán thứ tem đơn 3 xu. làm cho nhà Báo phải chịu phạt 0p12 thực là bất tiện quá, lỗi đó thực là tại các Ngài không xem kĩ chứ không phải tại Bản-báo làm việc sơ-suất, vậy từ nay Ngài nào gửi thơ về xin xem cần-thận cho, kẻo đề thiệt cho nhà Báo quá. Các Ngài có trả tiền Báo xin ra nhà Giấy thép lớn mua mandat, rồi bỏ vào trong cái phong-bì dán kĩ, ngoài đề như sau này :

Monsieur CUNG-ĐÌNH-BÍNH

73, Richaud Hanoi

Rồi dán cái tem 6 xu mà bỏ vào thùng giấy thép thì tự khắc Bản-báo nhận được. Tiền tài là mệnh mạch của sự tiến-hành của Báo, dám mong các Ngài lưu-tâm giúp cho, ấy là một công-đức lớn vô cùng vậy

Nay kính cáo

ĐUỐC-TUỆ

Vì có gì mà đạo Phật  
có lúc thịnh lúc suy

(Tiếp theo)

VI. SỰ NGHIỆP KINH DOANH TÀI LỢI

Kể về sự nghiệp kinh-doanh tài lợi của các tăng nỳ đời Đường cũng có nhiều chỗ có hứng thú lắm. Nay xin sét trước về phép « **chất** »

Chất là đem đồ vật gì lại thế mà vay lấy tiền, chứ không phải như vay, chỉ viết văn-tự mà lấy tiền, tức ta gọi là « **cầm** » vậy. Về sự cầm, bên Tàu chia ra nhiều cách như : **Đương, chất, điền, áp**, v. v. **Đương** thì quy mô rất lớn, **chất, điền, áp** thì lần lần kém đi. **Áp** thì quy mô rất nhỏ, chuyên dễ cho dân nghèo khi gặp quá, cho nên lấy lãi nặng thì bị cầm ngay, mà cái nghề cầm đồ (chất, nguyên là một mỗi doanh-nghiệp tự do. Từ đời Tùy đời Đường trở lại, thành ra một nghề riêng, phải có giấy phép quan nhận, phải nộp một món tiền thuế nhất định, phải lấy món bài **chứng** chỉ mới được làm

Trong nhà Phật cũng có những tên gọi như **vô-tận-tài, tràng-sinh-tài**. Cứ sét như bộ Thích-thị yếu-lãm của cụ Đạo-thành đời Bắc-tống chép rằng : « Trong chùa có thứ tiền **tràng-sinh**, trong luật gọi là **vô-tận-tài**, vì rằng vốn để lãi, lãi quặt thành vốn không bao giờ hết vậy... Luật thập-tụng nói rằng : « Lấy của Phật của pháp cho vay lấy lãi, Phật ưng cho » Luật tạng-kỳ nói : « Hoa quả cúng Phật, nhiều quá cũng cho đem bán, hương dầu còn nhiều cũng cho bán lấy tiền xung vào món **vô-tận-tài** ».

Món tiền đời Tống kêu là **Tràng-sinh-tiền**, cũng cùng một nghĩa với món **vô-tận-tài**, vì vốn để ra lãi, lãi đập lên vốn, quanh đi quẩn lại không bao giờ hết, cho nên gọi là

**vô-tận-tài** cũng gọi là **tràng-sinh-tiền**. Đó chính là một phép sinh-lợi trong nhà Phật ngày xưa, cùng với phép cầm (chất) bây giờ có đúng nhau không, cũng khó đoán định, nhưng lấy lẽ mà xét, cũng có thể cho là cùng một ý nghĩa như nhau được. Lại xét như trong tập Lão-học-Âm bút ký của ông Lục-Du đời Nam Tống chép rằng : « nay các sư ở chùa cũng cứ tự do cầm đồ lấy lợi gọi là **tràng sinh khổ** thực đáng khinh bỉ ». Những sự đã làm của tăng-ny đời Đường, xưa nay một lối, bảo rằng nên dùng phép nghiêm cấm, đủ biết tính cách đã làm lúc bấy giờ cũng chẳng khác gì lối cầm đồ bây giờ vậy. Món tiền **vô-tận-tài** ở trong chùa Phật đời Đường, do tay tăng-ny kinh-doanh. Cứ coi trong chuyện Cụ Đạo-tuyên trong tập Tống Cao-tăng truyện quyển 15 chép rằng : « Phạm làm dân giới độ người tính có sáu đàn, làm khuôn phép cho chúng. Qua 12 năm tựu ruộng nương, mỗi năm thu được hàng vạn hộ thóc, để ra món tiền vô-tận-tài cùng chúng cùng dùng chung ». Đủ biết cụ có kinh doanh món vô-tận-tài ở chùa Thiên-chúc tại Hàng-châu vậy. Trong truyện cụ Viên-quán quyển thứ hai mươi có chép chuyện một người bạn thân của Cụ là Lý-Đặng là bổ Lý-Nguyên rằng : « Cuối năm Thiên-bảo, bị hãm trong quân giặc, mới đem cả cơ-nghiệp cúng vào chùa Tuệ-Lâm, để làm món vô-tận-tài dùng chung ; mỗi ngày chỉ cấp cho một mâm, ăn uống theo như tăng chúng mà thôi ». Thế tức là đem cơ-nghiệp riêng cúng vào chùa làm vô-tận-tài mà hàng ngày cũng chỉ xin sinh-hoạt như tăng chúng mà thôi. Coi đó đủ biết món vô-tận-tài chùa Tuệ-Lâm vì đâu mà có. Lại như chuyện cụ Lê-Tôn trong quyển thứ năm sách ấy chép rằng : Có ông Trương-tư-Nghị vay tiền và dẫu miễn của chùa Thái-bình nữa. Trong bài văn bia chùa Phúc-diễn trong quyển Sơn-hữu thạch-khắc tùng-biên thứ chín cũng có chép đến việc làm nhà hàng cho thuê và nhà cầm đồ để lấy lợi.

Đối với việc cầm đồ lấy lợi, trong bộ Đại-đường lục-diễn

quyền thứ sáu có chép rằng : « Phạm cầm đồ không được lấy lãi quá năm phần, không được tính lãi quá vốn, đến khi giả đủ vốn rồi, quan không can thiệp đến nữa ».

Trở lên là nói về cách cầm đồ, ngoài ra còn có một sự đáng chú ý nữa, tức là cái kho **vô-tận-tạng** ở trong các chùa thuộc về Tam-giải-giáo trong đời Đường. Trong nam Vũ-dức, sự cụ Tín-nghĩa đặt **kho vô-tận** ở chùa Hóa-độ. Trong năm Trinh-quán trở lại, các tín-dồ bố-thí vàng ngọc tiền lụa nhiều không kể xiết. Vì thế mới chia làm ba, một phần sửa sang các chùa chiền trong thiên-hạ, một phần bố-thí cho dân đói trong thiên-hạ, một phần cúng dâng hết thầy, tức là lối đàn vô-giả bố-thí vậy. Về đời Tác-tiên Vũ-hậu, sự cụ Pháp-tạng ở chùa Tịnh vực được tín-nhiệm lắm. Vũ-hậu mới đòi cái cung của mẹ là Dương-thị mà xây một ngôi chùa gọi là Phúc-Tiên, rồi cái kho vô-tận ở chùa Hóa-độ sang chùa ấy mà ủy cho sự cụ Pháp-tạng trông coi, vì không được kết-quả tốt, nên lại giong về chùa Hóa-độ, từ đó cái kho vô-tận càng ngày càng phát đạt dữ, thiện-nam tín-nữ tranh nhau mà bố-thí. Vì thế mà vua Huyền-tôn mới xuống chiếu cấm không cho thiện-tín thi tiền và phân tán cả kho vô-tận trong chùa Hóa-độ nữa.

Về sự nghiệp doanh-lợi của tăng-ny đời Đường, ngoài cách ấy ra, lại còn có phép cho thuê cối xay bột và cửa hàng nữa. Cối xay bột tức là một thứ cối lợi dụng sức nước quay cối để xay bột. Cách cho thuê cối cũng là một cách sinh lợi của các nhà giàu lúc đó, cho nên các tăng-ny cũng dùng cách đó mà thu lợi. Như truyện cụ Tục-Trụ trong tập Tục-cao-tăng quyền 29 chép rằng cụ trụ-trì ở chùa Thanh-thiền kinh Trường-an hơn 40 năm hết sức kinh-doanh việc chùa, có rất nhiều trang-trại ruộng nương kho dựn và cối xay bột. Trong chùa có sáu chiếc cối xay của vua Tấn-vương đời Tùy cúng để làm một thứ tài-sản trong chùa mãi mãi, sự đó có chép

ở trong truyện cụ Đàm-sùng quyền thứ 17. Ở chùa Tiên-Lâm trên Sùng-sơn cũng có cối xay của triều nhà Đường cũng, nhờ đó cho thuê cũng được nhiều tiền. Cho thuê cửa hàng tức là làm các gian hàng ở trong phố trong chợ rồi cho thuê lấy tiền như cho thuê cối xay vậy bài văn Trưng-tu đại-tượng-tự-ký trong tập Kim-thạch tự biên quyền 130 có chép rằng : « Về cửa bất-dộng-sân của chùa, tại phía đông chợ Thiện-hòa-phương có tất cả sáu gian rưỡi hàng », trong bài văn bia chùa Phúc-diên ở trên kia cũng nói rằng : « làm hàng cho thuê » cũng là để thu lợi cả.

Về đời nhà Đường, các nhà phú-hào có nhiều ruộng nương trang trại, cho các tôi tớ cày cấy không hết lại cấp cho các điền tốt cày cấy mà thu lấy lợi. Các sư phần nhiều cũng theo cách ấy. Ngay như ruộng nương trang trại, trong chùa Thanh-thuyền, theo như kiến văn của cụ Đạo-tuyên, có thể quyết định rằng tự là của chùa, nhưng phần nhiều là của các nhà tín-thí từ hồi đầu nhà Đường nhiều, vì rằng về đời Vũ Chu những ruộng vườn tư, phần nhiều thuộc về của Tăng vậy. Đến hồi Hội-Xương phá Phật, trang-trang chính-phu tịch thu ruộng chùa, số ruộng có tới hàng hai ba ngàn vạn thửa. Nhà chùa đã có nhiều ruộng như thế, thì tất nhiên cày cấy không hết, phải phát cho người ngoài làm mà lấy thuế, không nói cũng rõ. Mà những thuế ruộng vườn ấy, dù là của sư cũng không được miễn, cho nên hồi nam Nguyên-hòa thứ sáu (811) có tờ bằh xin miễn thuế mà chưa được chiếu ứng, sự đó có chép ở Đường-thư hội-yếu quyền thứ 80

## VII. — KẾT LUẬN

*Cứ như sự-thch đã dẫn ở kinh truyện sử-ký như trên, thì không thể không công nhận là những sự đích thực được, nay tôi xin đem những điều đã hiểu biết trong khi khảo-cứu về vấn-đề Tăng-ny đời*

Đường, đem những phần đặc-sắc có thể làm gương cho Phật-giáo sau này chia làm bốn mục bình-luận như sau này :

## I - ĐÀN GIỚI

Khi đức Thích-Ca sắp tịch, các đệ-tử hỏi rằng : « Phật còn ở đời chúng con thờ Phật làm thầy, khi Phật tịch rồi, chúng con thờ ai làm thầy ? »

Phật dạy : « Phải thờ giới-luật làm thầy » Đủ rõ trong sự hành-đạo của Phật cốt nhất là giới-luật. Vì rằng người ta đã sinh ra đời, đều là theo nghiệp đã gây ra từ trước vì cái nghiệp trước cho nên bất luận thánh-phàm, đều có chỗ thấy sáng nghĩ bậy mờ gây nên tội lỗi xấu xa, nếu không có giới-luật thì không còn có gì mà thẳng thức nổi vọng-tính vọng-thức được ; vì thế nên trong tôn-giáo, ngoài chính-trị, bỏ luật thì không còn có thể nói gì được nữa Ngài Ưu-ba-Li kết tập luật-tạng có nói một câu yếu-ước rằng : « Ta trước bỏ buộc thân ta, thân ta được tự-lại ; thứ thì ta bỏ buộc tâm ta, tâm ta được tự-lại » thật là lột hết cái tinh thần giới-luật vậy. Sự đời biến đổi, càng xuống càng kém, trong chốn thuyê-n-lâm, coi thường giới-luật, cho nên đã gây bao sự thương-tâm thâm mục làm cho chính-giáo phải suy đồi. Sang đến đời Đường, nhờ có cụ Đạo-tuyên tinh thông giới-luật chế ra đàn-giới, cho nên bao năm đổi-bại, nhất đán lại thấy tỏ bóng tường-quang, tưng-giới đời Đường làm vẻ vang cho Phật giáo sử không bao giờ phai nát được. Tìm đến cội nguồn, thực dám nói chắc rằng nhờ công hoàng-luật của cụ Đạo-tuyên vậy. Nhưng giới-luật cũng có khi phải tùy thời-chế-nghi, người ban giới-luật, người giữ giới-luật, đều hiểu đến chỗ tinh-thần, thì đạo mới thịnh mà đức mới tốt được, nếu không chú-trọng vào chỗ tinh thần, hay là cố chấp điều luật không thích hợp với

đời thì coi bề ngoài vẫn hoàn-toàn là có xác mà không có hồn, xem như đời Đường, lúc đang thịnh-thời, giới đàn nghiêm ngặt, thì lãng-giới sản ra biết bao nhiêu bậc đạo cao đức trọng, đối với xã-hội làm bao nhiêu sự vẻ vang, thế mà đến lúc suy-vi, cho làm đàn-giới mà lầy liến, thì đàn-giới vẫn thấy nhiều hơn, cháng-lệ hơn, mà kết quả thành bao sự tàn ác xấu xa, sự thực rành rành còn đây Bấy giờ Phật pháp suy-dồi, thiết-tượng căn bệnh cũng không ngoài hai cái tệ chỉ giữ cái xác không giữ cái hồn và không biết tùy-thời chế-nghị, cố chấp tục-kiến vậy. Ai người nữ tâm hể-đạo, chân-hưng Phật giáo, xin hãy lưu ý trước nhất vào đàn-giới.

## II -- HÀNH HÓA

Phật-giáo chú trọng nhất vào chỗ tự-lợi lợi-tha, tự giác giác-tha, cho nên trong các kinh điển đại-thặng, Phật-lồ chỉ tán-thán cái hạnh bồ tát mà bài-xích các bậc thanh văn độc-giác, chỉ biết lợi riêng một mình.

Về phần tinh-tuần phải chú-trọng vào mặt lãng-tiến dâm-đức đìu-trí, cho nên khi Phật-lồ còn ở cõi đời sa-bà, trong 49 năm trời, hoằng-pháp lợi-sinh, vết chân khắp cả chốn rừng sâu núi thẳm, không nơi một phút nào. Từ người phú-quý, đến kẻ bần-liệt, từ chỗ thân-ái, đến chỗ oán-thù, ngu thì thuyết-pháp cho ngộ, dốt thì bổ-thi cho cơm, ốm thì thuốc thang điều trị, bình-dặng hành-từ, chẳng quản chi công, chẳng quản chi sức, coi hết thầy chúng sinh đều là cha mẹ, đều là con cái, xấu xa như bọn kĩ-nữ, tàn ác như bọn sát-sinh, kẻ gánh phôi, người sản-phụ, không chỗ nào Phật không tới, không người nào Phật không cứu, vì thế mà nền Phật-hóa mới lan khắp nhân-gian một cách nhanh chóng như thế. Tăng-ny đời Đường tuân hành Phật-chỉ như cụ Đạo-sưóc, cụ Pháp-chiến, cụ Thiệu đạo, một ngày niệm Phật mấy vạn biến, dâng kinh mấy trăm biến, đặt ra đàn-tràng, chế ra



âm điếu, dỗ trẻ con khuyên người lớn, cùng biết tỏ cái lẽ khỗ không, vô-thường mà tinh tiến tu-hành, ta cứ tưởng tượng những công việc của các ngài làm cũng đủ rõ cái công hành-hóa rất sốt sắng của các ngài lúc đó là thế nào. Về sau đệ-lữ Phật ít người kế-nghiệp, phần tu tự-lợi ngày càng đông, các bậc bồ-lát hiếm thấy, đạo Phật suy đồi, đó là tại ai? Vậy muốn hưởng vui cực-lục, thoát khổ Sa-bà, thì đối với vấn-đề giáo-hóa về phần tinh-thần như mở nhiều trường học, làm nhiều sách vở, lập nhiều diễn-đàn, thực là một sự phải thi-hành ngay kuông thế hoãn được. (còn nữa)

THIỀU-CHỮU giảng

## VĂN UYÊN

### IV. CHÙA NON NƯỚC

Miêu

Non kia ai đắp mà cao.

Nước kia ai bời ai đào mà sâu.

Nước non thu lại một bầu.

Tuyết sương đã nhuộm mấy màu tang thương.

Hát nói :

Non non nước nước,

Thù hữu-tình ao-ước đã bao phen ;

Sơn-thủy lâu-dài thặng chiếu nhất hồ-thiên.

Hỏi phong-cánh rằng liên hay rằng Phật ?

Non một hòn chénh-vênh trời đất,

Nước leo-reo phảng phất tiếng kinh đưa,

Nước non non nước suy xưa,

Mùi phong nguyệt hỏi ai ưa đâu chẳng tá

Thủy nhiều thanh-sơn ba thượng hạ,  
 水繞青山波上下,  
 Sơn hàm bích thủy thụ đê mê.  
 山涵碧水樹低迷.  
 Nước non nặng một lời thê.

### V. CHÙA LƯƠNG (Phúc-lâm)

Miêu

Hỏi từ Hồng-thuận khi xưa,  
 Phúc-lâm mở cảnh bấy giờ là đây.  
 Có tháp đá có am mây,  
 Trúc reo mõ sớm, mai gầy chuông khuya.

Hát nói ;

Không không sắc sắc,  
 Cảnh từ bi non-nước khắp nơi nơi.  
 Đầy song-hồ thư-thả rồn lên chơi,  
 Nào hồ sâu giếng thăm, nào tháp dựng am-  
 phôi, bầu thế-giới đầy vơi trong nửa túi.  
 Quần-phương xã, chùa Phúc-lâm đây có phải ?  
 Nước non nhà, vì mơ-mỗi nước non ai !  
 Chén thiền-trà nhấp vị lão mồi,  
 Việc: vũ-tru một hai chi có khỉ.

Nhớ câu rằng :

Nhập định hữu lãng giai Phật ấn,  
 八定有偈皆佛印.  
 Tham thiền vô khách bất Đông-pha.  
 參禪無客不東坡.

Mười hai nguyên phúc đẳng Hà-sa,  
 Đường phương liệt dân-dà quy giáo Phật.  
 Hồi-dầu lại miền trần còn chứa chất,  
 Giấc nưm-kha phẳng-phất lại hoàng-lương.  
 Chuông đầu trong lúc canh trường.

N. V. Đ.

## BÁ' NHẢ TÂM KINH CHỰC GIẢI

3. **Chiếu kiến ngũ uẩn giai không.** Chiếu là do công tu bát-nhã rất sâu, chứng được cái mắt tri-tuệ chân-chính, soi tỏ cái nghĩa **Không** vậy. Chữ **Không** đây là chỉ vào cái nghĩa chân-không mẫu-nhiệm, chứ không phải là không trơn như nhệ-thừa và kẻ mới tu đã nhận : không phải là cái không đối - đãi để phá cái tính chấp là có ; nó là cái Không, không mà có, có mà không. Vì thế cho nên Phật mới nói tiếp luôn ngay rằng : « sắc tức là không, không tức là sắc, sắc chẳng khác gì không, không chẳng khác gì sắc - đủ biết chữ Không của ngài đã chiếu tỏ đó là cái Không mẫu-nhiệm, nếu nhận Không ấy là Không có, là lạc về một bên rồi vậy.

**Xá-lợi tử ! sắc bất dị không, không bất dị sắc. sắc tức thị không không tức thị sắc**

Đoạn này là phần chính-tông nói về pháp quán-hành trong kinh này. Đầu bài tựa đã nêu ra mấy câu **Quán-tự tại và hành thâm . . chiếu kiến ngũ uẩn giai không** rồi, nay mới diễn rõ cái nghĩa ngũ-uẩn không, khiến cho tùy theo lời Phật, tự hiểu ra ngay, để cho môn quán-chiếu này có thứ tự vậy.

**Xá-lợi tử :** Xá-lợi là thứ tiếng Phạm, nghĩa là thân, là tên bà mẹ ông. Vì lấy tên mẹ mà gọi tên con, nên gọi là Xá-lợi-tử, lại gọi là Thân-tử. Ông Xá-lợi-tử là một đệ-tử tri-tuệ thứ nhất của Phật. Phật nói kinh tri-tuệ, lại phải có người tri-tuệ, mới có thể tin hiểu được, vì thế nên Phật mới gọi ông Xá-lợi ra mà bảo. Ở trong kinh Lăng-nghiêm, thì ông Xá-lợi-Phật tu theo Nhãn-can viên-thông, mà chứng A-la-hán. Nhãn-can viên-thông, tức là tới chỗ mắt hay thấy, mà thấy tỏ là chân-tính, cho nên gọi là kiến-tính. Kiến - tính khắp hết cho nên gọi là viên-thông. Tuy mắt có thấy đó, mà liễu hết hết những cái tướng đã thấy đó, đều như không-hoa. Ngó được cái tướng không phải là tướng, liễu được chỗ thấy không phải là thấy. Đã ngó đã liễu được nguyên không phải là tướng là thấy.

thể tức là chính-kiến, cũng gọi là tuệ - nhãn. Vì thế nên kinh Lăng-nghiêm nói rằng : « Biết chỗ thấy đó mà nhận là chỗ thấy đó là biết thực, tức là cõi dễ vô-minh, biết được chỗ thấy đó không phải là thấy, đó tức là niết-bàn ». Xem thể thì biết ngài Xá-lợi-tử, chứng được nhãn-can viên-thông trí-tuệ, tuy không phải là người đương cơ kinh Lăng-nghiêm, mà chính là người đương cơ kinh Bát-nhã này, vì cơ-giáo đúng nhau, cho nên Phật mới gọi rằng : « Đây ông Xá-lợi ! » Ngài gọi ông Xá-lợi như thế, là một cách Phật bảo ngàm cho chúng-sinh vậy. Những phép đã tuyên rõ trong kinh này, là một pháp-môn thăng chỗ cho người thấy tính thành Phật, cho nên thoát-tiên nêu lên ba chữ Quán-tự-tại, mà đến đoạn này thì gọi đến ông Xá-lợi, thể thì Quán-tự-tại tức là cái trí-tuệ bản-giác, mà Xá-lợi-tự tức là cái trí-tuệ Thủy-giác (1), trước sau bản-thủy, cùng đúng với nhau. Cái chỗ cơ với giáo hợp nhau như thế, nếu không hiểu được cái lý mẫn-nhiệm ngoài lời nói, thì dù tụng Tâm-kinh cho đến hết kiếp, cũng không biết cửa ngõ nào mà vào. Kỳ-thay, cái người biết được chỗ vào mà làm được đó, há chẳng phải là chỗ hành-phàm đến cùng cực đó ư ? Lại nên biết rằng Xá-lợi là thân, thân có cái căn tri-giác, tri-giác là cái của thân nó có, cho nên gọi là tử. Tuy thân có tướng đó, mà do tư-dại góp nên, sắc-tính nguyên không. **Tử** là cái tính tri-giác đề mà nói chuyện, cho nên mới kêu rằng : Xá-lợi-tử ! cũng như Bà mẹ Xá-lợi tuy có tên đó, mà không có ở ngay đây, cho nên biết được cái ý là nói về cái sắc thân tư-dại, có tên mà không có thực, thể nguyên là không, mà Trí-tuệ kia, tuy không có danh, có tướng mà cái thể chân-thực hiện có ngay đây mà vắng chịu lấy lời giầy, thế nên lại biết được cái ý là nói về phần tri-giác đó, tuy không có

(1) Bản-giác tức là chân-lâm chân-như, nguyên vẫn sáng láng đầy đủ ; Thủy-giác là phần bắt đầu mới biết được chân-như ấy nguyên lai sẵn có.

linh-dong, mà linh minh soi tỏ, vâng chịu được lời giảng, vì thế nên Phật mới gọi thẳng ngay đến người tri-giác mà bảo, mà kêu rằng : **Xá-loại-tử** ! Vậy thì ta biết rằng lẽ có tri-giác thì đều là Xá-loại-tử, mà trở lại tính tri-giác ấy thành trí-tuệ, thì gọi là Quán-tự-tại thực, người tu hành phải biết rõ chỗ đó làm mới được.

**Sắc bất dị không** : Từ đây trở xuống là cái cửa mới vào pháp chính-quản-bản. Đoạn tựa trên nói ba chữ **thời chiếu kiến Thời** tức là cái lúc can-trần tương đối nhau, **chiếu** tức là cái tâm-quang hiện ra chiếu tỏ muôn hình ngàn tượng, tức là cái mà trong kinh gọi là diệu-minh nguyên-tinh như lai tàng-tính vậy. Trông thấy thuộc về căn mắt, nguyên nó nương trong Như-lai tàng mà hiện ra ở căn mắt, hay đối với sắc-trần, nên gọi là cái tính chiếu-kiến (soi thấy). Đây bảo rằng sắc bất dị-không, nghĩa là cái lúc căn mắt trông thấy sắc, liền thấy sắc đó cũng như cái bóng, mà hiểu được sắc nguyên là không. Căn mắt như gương sáng, bóng lộn như không có hình, sắc tướng như bóng, bóng tuy là không có thực mà hiện rõ ra là bởi cái gương, cũng như sắc tuy là cảnh giả dối, mà toàn sắc là cái tự-tính của chân-không như-lai-tàng nó soi thấy, cho nên nói rằng sắc chẳng khác gì không, câu này là phá cái nghĩa của kẻ phàm-phu chấp sắc là có mà không biết sắc là không. Chấp được là ta có thấy, mà không biết sự thấy đó là do sắc hiện ra, sắc đó bởi sự thấy sinh ra. Sắc tướng như không hoa bóng giả, sự thấy là mờ quang hư sáng, sắc tướng còn không thì sự thấy bởi đâu mà có được, cho nên tuy nói sắc tức là không, mà chính là nói tóm cả cái nghĩa thấy cũng tức là không vậy. (xâu)

**Không bất dị sắc** : nghĩa là cái lúc căn mắt soi thấy không kia, thì coi cái không đó cũng là một cái không-trần, nên biết rằng không với sắc, đều là phần đối lại với mắt, vậy thì sắc là sắc trần, thì không cũng là không-trần, có hình chất chướng - ngại thì gọi là sắc, không có hình sắc chướng-ngại thì gọi là không. Câu trên nói sắc-

bất dị-không, là bảo rằng sắc đó nguyên là không, không nên tưởng là có sắc ; Câu này nói không-bất dị-sắc, là nói không cũng như sắc. Sắc trần nguyên không, thì không-trần cũng nguyên là không. Không-sắc đều phi cả, thì sẽ cho nó là vật gì ? Phải xét kỹ lắm mới được ; Phải biết rằng sắc với không, nguyên không phải là có cái thể khác nhau, mà là bởi tính chân-không như-lai-tàng ra cả, cho nên bảo rằng bất dị (không khác nhau). Thế mà nay ta thấy có sắc với không đó, đều là duy-tâm hiện ra cả. Như kinh Lăng-nghiêm nói rằng : « Trong chỗ không chơn tối tăm ấy, vọng sinh ra mọi sắc ». Thế thì đủ biết sắc với không đó đều duy-tâm hiện ra, cho nên nói rằng không bất dị sắc. Câu này là phá cái chỗ thấy lầm của người tu sai lạc vào chỗ không tron đoạn - diệt, mà không biết cái nghĩa không tức là sắc, cho nên tuy nói không tức là sắc mà tức là nói kiêm cả cái nghĩa phải ly hẳn cả cái chỗ thấy lầm không chơn đoạn - diệt của ngoại-đạo nữa. (Sâu rồi càng sâu).

**Sắc tức thị không** : nghĩa là sắc tuy có hình tướng đó mà nguyên vẫn là không. Sao lại bảo nguyên vẫn là không ? Là vì cái sắc ấy là bởi tứ-đại ngũ-uẩn giả hợp mà thành. thì tứ-đại nguyên không, ngũ-uẩn không có, cũng như không-hoa cùng bóng quầng, y không mà có tướng, tướng tức là vô-tướng, cho nên nói rằng sắc tức là không. Câu này là phá cái lầm của tiền-thừa sợ sắc thích không, không hiểu sắc nguyên là không, mà sinh ra sợ hãi, không hiểu tam - giới và hết thấy thế-gian đều là cảnh mộng, mà sinh lòng chán, thích, lấy, bỏ, sân ; không hiểu rằng sắc tướng nguyên không có sinh - diệt, mà sinh lòng sợ khổ sinh tử thích thú niết-bán sân-đoạn này không những liễu được sắc tức là không, mà đến cái tính sân chán, thích, lấy, bỏ cũng đều sạch hết nữa (sâu lại rất sâu).

**Không tức thị sắc** : Nghĩa là không đợi sắc diệt đi

## KHÓA HƯ GIẢNG YẾU

### LỜI BÀN GÓP

Bắt đầu từ quyền trung trở xuống cho đến quyền hạ, hoàn toàn là thế-tài sáu khóa lễ, trong đó chia ra ba khóa ban ngày, ba khóa ban đêm, trong đó tuy chia ra nhiều lối như tán-hương tán-hoa, tâu bạch v. v. nhưng rút lại thì phần quan-hệ nhất, chỉ ở chỗ sám-hồi sáu căn. Vì rằng người ta sở dĩ gây nên tội lỗi sâu dày, đều là vì sáu-căn nó tiếp-xúc với sáu trần, làm mê mất chân-như, cho nên tối tăm mù mịt, không còn kiêng một tội ác gì mà không dám làm. Gieo nhân kết-quả, càng ngày càng nảy nở bỏ lan, kết-quả đến luân-hồi sáu ngã, dọa xuống ba đường, chịu đủ mọi nỗi khổ nhục, trăm kiếp ngàn đời, không biết lối nào mà cắt đứt ra. Nay đã biết cội rễ tội nó vì sáu-căn, thì bài thuốc sám sáu căn, tức là phương thuốc đối bệnh rất thần-hiệu. Ai người tu-bànb, cứ theo đúng phương pháp ấy mà thực-hành đi, hễ sáu căn đã thấy thanh-tịnh, thì đạo không phải cầu tự nhiên tỏ, Phật không phải tìm tự nhiên chứng, đó là một cái bí-quyết của Tiên-nhân ta đã tu đã chứng, kinh nghiệm đích xác rồi mới truyền cho ta, ta phải cố gắng mà tu mà sám, sao cho tới chỗ sáu căn thanh-tịnh ấy là ta biết ơn Tiên-nhân ta vậy. Nay xin giải qua đại ý các đường lễ như sau này :

#### I Cảnh sách

Cảnh là rung động cho biết mà đề-phòng, sách là gắng gò lên. Ta bị sáu căn mãi niết sáu trần, quên mất chân tâm, nay đặt thành lệ nhất định, đúng giờ lại đọc những câu rất hãi hùng thâm thúy để kêu gọi tinh-thần cho tỉnh ngay lại mà lo đường tự cứu, cũng như người đang chìm bao mê man nũng nịu hãi hùng mù mịt, bỗng có một tiếng động mạnh, rất minh tỉnh dậy, thì hết sự hãi hùng mù mịt ngay, ấy là cái ý cảnh sách vậy. Vì thế nên khi đọc cảnh sách, thì phải dùng cái tinh-thần mãnh-liệt, đọc cho rành rọt, cho từng tiếng từng tiếng dội thẳng vào tâm mới được.

## II. Chúc hương

Nhờ công cảnh-sách, đã tỉnh dậy rồi đã biết mình mê mình lạc rồi, nhưng biết làm sao cho khỏi mê khỏi lạc nữa thế tất phải nhờ đến Phật là vị đã giác-ngộ trước ta. Muốn cảm thông đến Phật thì phải làm thế nào? — Tất phải nhờ đến hương. Hương là cái đồ đề biểu lòng ta tin theo về Phật, cho nên mới gọi là tin-hương. Vì thế nên khi Phật còn ở đời này, các đệ-tử muốn thấy Phật thì cứ thắp hương mà nguyện thấy Phật thì được thấy Phật ngay, nên lại gọi là nguyện-hương. Nhưng ta phải hiểu rằng : Hương ta thắp đó, là mượn vật đề tỏ cái đức thơm sạch, cái lòng tin-nguyện đó thôi, nếu lòng ta không tin, thân ta không sạch, thì dù ta thắp đến ngàn vạn nén hương cũng không thấu đến Phật được. Bởi thế nên trong bài chúc hương này mới nêu rõ cho ta rõ ràng Hương này là do năm đức : Giới, định, tuệ, giải-thoát, giải-thoát trí-kiến. Người tu có hiểu rõ thế thì lúc chúc hương mới thấu đến Phật được.

## III. Dâng hương. dâng hoa

Đã nhờ tin-hương nguyện-hương, đã thấu đến Phật mà Phật đã đáng xuống đản ta rồi, thì phải dâng hương dâng hoa đề cúng dâng Phật. Cúng dâng Phật là một phép trừ sạch lòng tham, gây nên mầm tin, cho nên trong mười nguyện lớn của ngài Phổ-hiền, cúng-dâng đứng vào một nguyện, mà trong Khô-tín-Luận cũng nói rằng : Muốn được tin-can thành-tựu, cần phải cúng-dâng chư Phật. Nhưng Hương với Hoa đây tuy mượn nén hương trần, mượn bông hoa trần dâng lên cúng Phật, đó là điều cái lòng thảo đó thôi, còn nơi tinh-thần thì Hương là giữ giới được tinh nghiêm mà Hoa là cái tâm thanh sạch, chứ không phải là dâng nén hương bông hoa trần mà trừ sạch được nghiệp dẫu

## IV. Tấu bạch

Đã cúng dâng hương hoa rồi, bây giờ mới đem những cảnh trần giả giới cúng nổi lòng mê man mà tấu bày



lên trên tòa sen, mong nhờ chư Phật soi cao đức-tuệ, mà cứu giúp cho những nhời sám-hối sau này, khiến cho tội chướng sạch dần, mầm lành thêm lớn.

### V. Xám hối

Xám như nước rửa sạch tội cấu, hối như phòng bị trước, khỏi mắc lỗi sau. Chân tâm như lõi gỗ, không bao giờ mục nát, tội lỗi như một giác, lỗ trở mặt ngoài. Xám hối như bảo sạch một giác, còn lõi trở ra, vẫn hoàn tốt đẹp. Sự quan-hệ của phép sám thể nào, xin xem bài nói ở trên.

### VI. Khuyên mời

Mình đã được nhờ Phật mở mang tâm trí cho rồi, đã biết sám-hối tội lỗi mà trừ đi rồi, lại mở lòng thương xót kẻ khác, nên sau khi sám-hối rồi, cần phải khuyên mời Phật đề ngài mở lượng từ-bi, cứu hết chúng-sinh cùng lên ngàn giác. Chư Phật ra đời, điều thứ nhất chỉ ở chỗ cứu chúng-sinh, có phải đợi đâu đến ta khuyên mời ngài, ngài mới mở lượng từ-bi đâu. Ngài dạy ta khuyên mời Ngài, tức là một phép phương-tiện chuyển cái lòng tự-kỷ của ta ra lòng đồng-thê đại-bi vậy.

### VII. Tùy hỷ

Bệnh tham to nhất, tu phép cùng-dàng, trừ sạch được rồi Còn cái bệnh sân, cũng rất ác hại, cho nên phải tu phép tùy-hỷ mà trừ đi. Tùy-hỷ nghĩa là thấy ai làm được một chút gì hay, mình cũng vui vẻ mừng rỡ như mình đã làm được mà cố bắt chước làm. Cho nên đoạn này suy rộng cái nghĩa tùy-hỷ ấy mà tùy-hỷ Phật cầu cho tu chứng đến ngôi thập-địa. Ai người tu-hành, cần phải theo phép tùy hỷ với chúng-sinh để trừ lòng dận dữ ghen ghét, và tùy-hỷ với Phật để tu cho chứng quả, thể mới là biết tu vậy.

### VIII. Hồi hướng

Đầy phép tu trên, hoàn-toàn là tự-lợi cho mình, mình đã được lợi rồi mà cứ giữ bó bo vào mình thì cái lợi

ấy không được to, kết quả không được tốt đẹp, cho nên cần phải hồi-hương. Hồi-hương là bao nhiêu công-dức ta đã làm được, đều xin theo như chư Phật bỏ-tát mà bố thí cho chúng-sinh hết, để cầu cho chúng-sinh đều như công-dức ấy mà lên bậc chính-giác. Chúng-sinh đều thành chính-giác, thì ta mới thành chính-giác được. Vì thế nên, Phật mới giảng rằng : « Làm lợi cho người tức là lợi cho mình » chính là thể đó.

### VIII. Phát nguyện

Đã có lòng tin, đã biết phép tu, mà không có nguyện thì tin không bền chắc, công không thành tựu, cho nên cần phải nguyện cho thiết. Nguyện tức là tự tâm mình thích thế nào thì thế nguyện làm thế. Mình đã làm theo chỗ thích của mình, thì tất nhiên mãi miết mà làm, kì cho đến lúc thành công, cũng như các tiên-nhơn nói rằng người ta cầu phải lập-chí, nếu không có chí thì không biết đi về lối nào vậy. Vì thế nên Chư Phật tu-hành, Phật nào cũng phát nguyện lớn trước vậy.

### IX. Kệ vô thường

Mười phép tu trên, là con đường tắt đi tới cảnh Phật, người tu cứ theo thế mà tu, tự khắc thành công. Nhưng tính thường người ta, bất cứ việc gì, lúc mới thì hăm hở mà sau đều trở nản, dù có làm đấy, chẳng qua cũng chỉ chiếu lệ, không có tinh-thần, cho nên tu thì nhiều mà thành công thì ít. Sở dĩ có cái tệ như thế, là vì không hiểu cái lẽ vô-thường, cho nên rầy rã lần mãi nữa, mà đến mất cả công-quả. Vì thế nên sau mỗi khóa tu, lại kể một bài kệ vô-thường để thúc dục cho người tu biết cái lẽ vô-thường, được lúc khỏe mạnh, không kịp tu đi, thì ngày tháng trôi đưa, trăm năm cái bóng, nhất đản vô-thường, hối không kịp nữa.

## Quả báo triền triền

Chuyện này chính tôi được mục kích hồi hai ba năm về trước. Vì đó mà tôi nhận thấy thuyết « Nhân quả » minh bạch rạch ròi là nhường nào. Vậy không hiềm lời lẽ thô thiển mà đánh bạo viết ra đây, bà con Phật tử thường lãm và tin sâu luật « Nhân quả » của Phật tổ).

Trong một làng kia, về hồi nọ, cái làng ở vùng Bãi Sậy, nó cũng cùng số phận như mọi làng, cũng run sợ núp sau đặng tre ủ rữ, cũng cảnh im lìm hiu quạnh, cũng dân gian đói khổ, cũng bị những ông tướng, tục gọi « Quan thiên triều » (giặc bãi Sậy) cướp phá ; vợ chồng hai Cọp sống trong cảnh êm đềm, dưới chiếc nhà tre rộng rãi.

Đê vỡ, nước tràn ngập cả đồng điền. Gà gáy nửa đêm, vợ chồng đã dậy thổi nấu ăn, rồi cùng vợ chồng anh ruột ở cạnh, mang thuyền, lưới ; đi đánh cá ; mặc dầu gió rét, mưa đông, sương sa gió lạnh, lấm thân dãi rầu. — Bốn người băng hái, vui vẻ, bước trong hóng tối ..

Đến sông, họ nhanh nhẩu thả thuyền, ba người lội nước kéo lưới, hai người ngồi thuyền gỡ cá. . . Kéo cho đến sáng mang cá về bán, dong gạo ăn, rồi lại đợi gà gáy hôm sau. . . , lại đi kéo.

Tháng ngày lần nữa kiếm ăn.

Nước cạn, lại đi làm thuê mướn, dãi mồ hôi lấy miếng cơm !

Đối cuộc sinh nhai khe khát, ai mà không sót dạ chau mày.

Hai Cọp người nông nầy, cục cằn với bộ mặt quắt lưỡi cày, mắt ốc nhồi tròn xoe dưới chiếc chán gỗ cao, lại bị vợ, người điều ngoa, danh thép, hoang mang, song nhờ anh ruột rất tốt, trông nom cho, nên chẳng bao lâu đã có sản nghiệp vài mẫu ruộng,

vài mẫu ruộng đã đủ phong lưu, trái hẳn với lúc làm thuê, kéo lưới.

Cuộc đời bình tĩnh trôi qua, cảnh gia-đình anh em hai Cọp thật vui vẻ, êm đềm, nhưng than ôi ! cái vui vẻ, sung sướng ở quãng đời ô-trọc này có là bao, vui buồn thường hay chộn lãn..., thì một đêm kia, cái đêm mưa gió Âm thầm, anh Cọp bị giấc bất, rồi biệt ttech, biệt lịch để lại một gánh gia đình nặng chiu : mẹ già, vợ trẻ, đàn con thơ, nhà nghèo trong buổi loạn lạc...cảnh gia đình hốt nhiên bị thảm họa gờai ghê !

Bởi phần Cọp lúc ấy chính là phải trông nom mẹ già, chị dâu, dạy bảo đàn cháu bé giu giữ cửa nhà cho anh song Cọp tình vốn tham lam và hung ác, thấy anh chưởi đem mẹ già về nhà mình, mặc chị râu và đàn cháu bơ vơ. Rồi Cọp hết tranh ruộng, lại chiếm ao, cướp lúa tranh thóc, vợ vét cho đầy túi. Thế đã xong đâu, Cọp còn dọa nạt chị râu đủ cách uần hạ đàn cháu thậm từ...

*Gồm thay cái máu tham sân,*

*Rẽ linh máu mủ, tay chân chia lìa.*

Nhà chị rần giồng ít cau, mới trồng xong Cọp nom thích mắt, sung đánh ; chị râu nói Cọp nhổ cau, vất đi. Một ốc nhồi trợn chôn xoe, hung hăng vác gậy đuổi đánh chị, rồi như chưa người cơn giận, Cọp chửi âm ỹ, nhặt gạch ném...

Mùa gặt, Cọp mang người ra ruộng chị dâu gặt tranh, nói là của cụ kỵ để lại, chị nói, vác đòn càn đánh, đuổi đi.

Cọp đánh bạc thua, đem ao của chị bán, chị không cho, đe bảo giặc giết chết cả mẹ con.

Ngày giỗ, tết, Cọp hành hạ, mắng mỏ cháu không quét nhà cửa, ban thờ cho sạch, chửi chị dâu không mua nhiều thức ăn...

Trong nhà Cọp dõì sử toàn thẽ cã, người chi dõu  
cõì kêu trời, khóc dõì hoài.

Từ ngày sanh chõ, không si ngăn cãm, Cọp dõì  
hãn tinh nết; cái tinh tham, sãn mà bấy lâu vẫn ấ  
n trong lòng Cọp, ngày nay như cây khô gặp mưa  
xuãn, càng dãm chõì nảy lợc, càng đũra Cọp vào hang  
sâu, ngõ thãm Trong nhà, Cọp hành hạ, đánh chũr  
chi dõu. ngoài thì theo họp giãc cõ đi ăn cướp,  
trõm, giết người lấy của, hà hiếp lương dân.

Cọp vào vùng « Cửa Sông » gặp đãm cướp đang hành  
tội người con trai. Cọp rõi đũra sử họ, rồi Cọp lấy  
thùng chõì chân tay người kia quặt ra sau, vãn xuõng  
sõng như con lợn, nước lãn tung toé, con lợn người  
chìm lìm, chõì theo dòng nước cuốn . . còn rớt lai  
trẽn mặt sông, lãn lãn gõm bot và vãn nước đũc  
ngũn. Cã họp hoan hò, Cọp thỏa chí, trẽn họp mặt  
sát sỡng hung ác, nõ nõ cười đắc thãng.

Len lõì trong bãi sãy, thấy một thãy người chết  
vũ dũr đõng lã khô, Cọp lõì ra, lấy dõu thũng buõc  
chãn kéo... làm thãy ma ô uế tuột cã dõ chãn, sãy  
sát mặt mũi, mỏng chãn, tay rung rời, Cọp đẽm đi  
cáo vu cho một người trong làng giết. .

Thũ một người làng bên, Cọp, đũng đẽm, họp đõng  
đãng vào bắt đẽm giũra bãi sãy hành hình. Cọp sai  
thũ hạ chõì người kia giết cánh khĩ, cãm đao sỏ  
tũng niẽng thĩt vấ đi, rồi chũt chãn, sỏ tai; kẻ  
kia còn ngắc ngoải, chũng chãm lửa đõt; kẻ sũu  
sỏ theo khõì lửa biẽn ra đõ, lãn khõì đẽn phủ kín  
vãn bãi sãy, mới cũy thù của kẻ ác đã trã xong.

Trời rét như cãt, Cọp tay cãm dao, mò mãn trẽn  
đũng lãn lõì trong làng, giũra bầu không khĩ lõì  
đen, Cọp vào nhà chánh Đũc, một người bấy lâu  
đẽ đũa chũng trĩ Cọp. — Trẽn chũc ghẽ ngựa quang  
rũu, ông chánh đang thũu ngũ, thấy tiếng mở cửa,

ông choàng dậy, nhanh như cắt. Cọp sổng lại, tìm lấy ông, hai người vật lộn... rồi vài phút sau, người ta thấy tuáy ông dấy dựa trên vũng máu, mặt bóng đen, nhầy choàng ra, rồi biến trong đêm tối.

Đêm nào, không đi ăn cướp, giết người, Cọp lại sạo sục trong làng. Chiếc dao đeo cạnh mình, bà bà nọ đến nhà kia, Cọp lục lọi nắm gạo, chiếc nồi, chén chiếu, người nào có mảnh áo tành cũng phải cỏi, nhặt nhanh, vợ vét cao kỳ hết..

*Tham sân, chi lắm hỡi người,*

*Tạo gây ác nghiệp ở đời mãi ru !*

Chồng thế lại gặp vợ điêu ngoa, chữi bởi chị rần, hiếp bách mẹ chồng, bắt bà cụ làm lưng rất khổ sở. Một hôm, vợ Cọp sai mẹ đi làm cỏ ngoài đồng trời đông giá lạnh, bà cụ đã ngoài 70 tuổi, vừa công, vừa diếc; tấm thân tàn chống sao rỗi với đông phong, nấn nửa không muốn đi, thấy sai lệnh, vợ Cọp nhầy sỏ ra tiếc mắt. rồi như chưa thôi giận, đẩy bà cụ ngã lăn queo rìa đồng dạ. bà cụ kêu khóc, rên rĩ... Còn gì thắm đạm bằng một người già mếu mào với chiếc mặt răn reo ! Cọp thấy thế, làm thinh. Cực chẳng đã, bà cụ về ở với con dâu góa (vợ anh Cọp) và đàn cháu mồ côi. Từ hôm đó, vợ Cọp như cắt được gánh nặng bên mình.

Hết cướp, lại trộm, chưa hết bọn giặc cỏ này đến phường cướp khác, vợ chồng Cọp tha hồ lu bù chè chén,

Chẳng bao lâu giặc cướp dẹp yên, Cọp bắt buộc phải dấn nghề ác mà theo nghề lương thiện, song Cọp đã chẳng chịu làm, lại hay cờ bạc, vợ tiêu sản hoang phí, nên sau dần dần ruộng vườn hết sạch, rồi đến nhà đất, phải ra ở túp lều : ba gian nhỏ hẹp, rìa sông với vài miếng đất. (còn nữa)

VÂN-SON — Hưng-yên

*Cô con gái Phật hái dâu*  
(TRUYỆN BÀ Ý-LAN, PHẬT HÓA  
LỊCH - SỬ TIÊU THUYẾT)

tiếp theo

Đức Đại Tăng-triêu Minh-đạo Thiên-sư mặc tử cà-sa pháp-phục đứng bên đông trước Tam-bảo lăm Đạo-sư. Đại Tăng-lữ là Châu-tĩnh Thiên-sư mặc cà-sa vàng đứng bên tây trước Tam-bảo xướng lễ cho vua lễ. Hoàng-đế. Hoàng-hậu qui mật-khẩn cầu-tự rất thành kính thiết-tha một hồi lâu.

Trưa hôm ấy vua quan, quân-lính đều ăn tray, « thu-ngộ » ở nhà tam hành-cung. Vì lệnh vua cấm sát sinh trong 2 ngày là ngày 30 và mồng một ấy, nên nhân-dân khắp đám hội cũng đều ăn tray cả. Sang giờ mùi vua mới hồi loan.

**IX. — Giọt đường nghi ngờ**

Đúng giữa giờ mùi, đoàn loan-giá rước Thánh-tổng Hoàng-đế hoàn cung, từ cửa chùa Linh-nhân làng Sủi kéo ra lên con đường vẽ kinh-đồ Thăng-long. Từ cửa chùa trở ra cho lên đến đường cái và thẳng về hướng tây, long-giá từ-từ tiến đi, hai bên đường, cái bề người lại rào-rào tràn ra như từng đợt sóng tiếng niệm Phật chúc vua trượng-thọ của chư tăng, tiếng tụng-hô « vạn-tuệ » của bộ-lão, của các quan địa-phương của nhân-dân lại nổi lên một hồi rầm rầm như sấm. Những bóng cờ quạt phất-phới, những khúc nhã-nhạc véo-von lại càng làm cho tai mắt của mọi người trong đám hội càng thấy vui vẻ sớn sáo hơn là khi long-giá mới đến chùa lúc sáng ngày. Vì sau khi người ta được đến gần và trực-tiếp thấy những thái-độ thành thật yêu dân của Thánh-tổng, một ông vua có công-nghiệp với nước và thấy Ngài đã cáo-thành lễ cầu-tự được châu-đáo, lại thấy một sự lạ là

một ông vua oai-hùng vói-vọi mà rộng lòng quyến chú đến một bông hoa thối-giã, nên người ta càng thêm cảm-động mà tỏ vẻ yêu mến Ngài.

Sau những kiện vua, kiện Hoàng-hậu và sau những chiếc võng của công-chúa, của các quý-nhân, rặc rở những vẻ vàng son rộng-phượng người ta lại thấy thêm hơn sáng ngáy ra một cái võng nữa đi theo.

Cái võng này cũng mui vện, cũng mảnh mảnh nhưng mui và đòn thì sơn then thếp bạc trạm ly hóa, thân võng màu xanh, mảnh cũng màu xanh mà vẽ hoa mà tười. Nghĩa là võng thường chứ không phải võng trong Hoàng-cung. Thì cả một đám hội mấy nghìn muôn con mắt đều chăm chỉ để ý vào cái võng xanh ấy và nhất là vào cái người nằm trong võng ấy.

Người nằm trong võng đó nào phải ai đâu, cả đám hội đều biết đó là một tên nữ-phạm, là Thị Cám, kẻ phạm tội bất tuân vương mệnh, không đi xem hội lại đi hái dâu, bị vua cho bắt hồi lúc nấy mà bây giờ là Yến-cô-nương đó. Đi xét sau cái võng xanh ấy có hai tên thị tỳ, cũng đều người nhà quê một đứa bé hơn bung cái tráp trâu, tay sách đôi vầu hái, đứa lớn hơn đội một cái hòm quần áo, người ta nhận ra thì đứa bé hơn là cái Tý Nam mà đứa lớn hơn là cái Hôi, là hai đứa trong cái bọn 4 đứa ở ở trong làng Sủi và là đồ-đệ đi lam đồng của cô-nương hằng ngày đó

Từ sau khi vâng mệnh Hoàng-đế, Yến-cô-nương đưa quan Huyện Giã-lâm, hai, ba ông bô-lão, phụng sắc-đụ và 20 quan tiền cấp dưỡng mẹ già về nhà. Xin phép kẻ-mẫu sắp-xửa hành-lý đi theo loau-gia.

Yến-cô-nương hay là Cô Cám ngày thường vốn là một cô gái rất thành-tâm mộ Phật, lại là một cô



gái con nhà nhen-nếp, tính-hạnh ngoan ngoãn, nhân-lành hiếu-thảo, xuất trong họ ngoài làng, từ già chí trẻ, ai cũng yêu. Nay nhất-đán có gặp được một cuộc nhân-duyên, nghìn năm một hội tao-phùng, rồi đây vinh-hiền chưa biết đến thế nào, thì ai mà không phải mừng cuống-quít cho cô. Các bậc thượng ông lão bà thì tán dương nói đó là vì cô một niềm mộ-đạo nên Phật Trời diễm hóa cho cô có được cái khiêu thông-luệ ứng đối hợp ý vua mà vua thương yêu đến, thế cũng là Phật Trời dun-dùi báo đền cho kẻ cái-thành. Vì thế người ta kéo nhau và mừng cho cô Cầm đông chạt xuất nhà trên nhà dưới và ngoài sân. Gội em bạn gái thì tranh nhau vào để xắm sửa đồ trang-sức cho cô. Quan Huyện Gia-lâm bấy giờ đối với Cô Cầm, ông đã đổi cái bề bực quan dân ra cái lễ-độ kẻ hạ-quan với một vị quí-nhân trong Nội rồi, ông xin với cô để cho lấy các đồ trang sức, hòm siêng của tiểu-thư nhà ông đến dâng cô dùng, nhưng cô xin từ chối.

Bấy giờ cô Cầm mới nói với mẹ rở đồ quần-áo của cô ra. Cũng may năm ngoài làng đóng đám, cô Cầm được cất ra ngôi quân cờ, bộ nữ-trang ngồi quân cờ nay còn mới nguyên. Kỳ ngồi quân cờ ấy đang lễ cô Cầm ngồi ngôi Tướng cờ bên nữ mới phải, là vì nhan-sắc, bề-thể, dáng nào cô cũng sừng-dáng với cái ngôi hoa-hậu ở trong nơi làng tổng ấy, nhưng bị ông Thủ-chủ họ Đoàn lấy thế-lực mà tranh cái ngôi Tướng-cờ ấy cho con gái mình, nên các cụ trong làng phải cất cô Cầm ngồi xuống quân Sĩ. Và nhà cô gia-tư cũng bậc thượng, bà kể mẫu tính lại kiếm ước nên bộ quần áo ngồi quân Sĩ của cô cũng chẳng có gì là hoa-lệ cho lắm.

Cô Cầm trang sức xong thì có lệnh truyền quan Huyện Gia-lâm sắp cho một cỗ võng và tên lính khiêng đến đưa Yến-cô-nương theo giá. Lệnh lại cho

Yến-cô-nương được đem 2 tên thị-ti thân-tín theo đi hầu-bạ.

Ngay từ khi cô Cám ở cửa hành-cung ra thì 4 tên nữ-dồ-đệ ban làm đồng của cô là cái Tí Nam, cái Đĩ Đông, cái Hồi, cái Thảo liền theo sát ở bên mình cô, nhất là khi chúng nó biểu ra rằng vua vờ có Cám vào cung thì chúng nó bèn chột hết sợ-hãi mà mừng rỡ quở-huớ cho cô.

Cô Cám vàng lệnh truyền rồi còn đang nghĩ ngợi không biết dùng ai thì cô chợt ngoảnh lại thấy 4 đứa con ở đã đứng sát ở sau lưng cô. Cô vờ 4 đứa ấy cùng trông nhau tần-ngần như cùng nhắc lại ở trong trí như cái lời ước-nguyện của chúng nó ở gốc đa bờ hồ sen đó nọ rằng : « Hễ cô giàu sang có nhớ đến các cháu », cô nghĩ ra rằng : « Trong cung cấm là nơi, nghiêm-ngặt, làm một kẻ thị-tỳ trong đó không phải là dễ. Tất phải là kẻ có nết-na ngoan-ngoãn, chịu thương chịu khó lại đã từng trải làm-tban, nhất là có cái ý-tử nhiệm-nhật và tinh-nhanh mới được ». Nghĩ thế cô bèn trắm ngay lấy cái Tí Nam và cái Hồi là 2 đứa sạch-sẻ và hợp cách hơn trong bọn 4 bạn làm đồng. Cô Cám nói với mẹ xin 2 đứa ấy cho cô xong thì người ta súm lại xắm-xửa ăn mặc cho chúng nó ngay.

Quan Huyện Gia-lâm trình sắp đến giờ mùi rồi cô Cám liền ra làm lễ cáo với Tiên-đồ với vong-linh cha mẹ rồi đến lạy mẹ kế là bà Châu-thị, mà cáo biệt với mẹ kế và em. Cô Cám thồn-thức thưa rằng : « - Thưa trình mẹ, con từ tấm-bé, khuất bóng hai thân, nhờ mẹ nuôi-nấng dạy khuyên, không khét gì ơn sinh-dục. Nay vâng-mệnh, con phải vào cung, lòng con siết bao nghĩ-ngợi. Một là mẹ, con chị em đang đoàn-viên bỗng sui-ly-biệt. Hai là chốn cung cấm là nơi tôn-ng nghiêm, sảy một tý là quan-hệ.

(còn nữa)

Nguyễn-trọng-Thuật

## *Tường thuật đàn giới* truyền - thụ ỳ-bát cho các học-sinh Tăng tại chùa Quán-sứ

Hội Phật-giáo ra đời, tôn-chỉ cốt ở chỗ chấn-hưng Phật-pháp. Phật-pháp là y-theo cái tính chân-như phương-tru mà lập-pháp, không có thịnh mà cũng không có suy. Thế mà nay phải kết-tập Giáo-hội, chấn-hưng Phật-giáo, là vì cách thánh ngày xa, chính-giáo ngày mờ, người tu-hành không tuân theo được đúng tôn-chỉ giáo-ly của Phật, cho nên mới sai lạc dần mà đến nỗi suy đồi như ngày nay. Ưng theo lời di-chức của Phật, các bậc Đại - đức hợp lực cùng các Quan ngoại-hộ, sáng-lập nên hội Phật, cũng chỉ là đem những giáo-pháp của Phật đã giầy bảo ma lần lượt vắng làm mà thôi. Nhưng Phật-pháp thịnh hay suy là cốt ở chư-tăng có học-hạnh hay kém học-hạnh, cho nên hội mới thành lập được một năm thì phải lo ngay đến việc mở trang Tăng-học. Năm 1937 trang Đại-học thành-lập ở chùa Bồ-đề. Học-sinh hai trang, thường tụ ngót một trăm vị. Nhờ có Hòa-thượng Sớ, Hòa-thượng Tế-Cát là hai vị chánh phó đốc-học, cùng với mấy vị Thượng-tọa cùng đôn đốc sự tu học cho các học-sinh về phần nội-diễn, lại có các bậc Cư-sĩ chuyên nghiên-cứu về Phật-pháp đến giảng giầy về các môn học phổ-thông và triết lý đồng-tây, cho nên các học-sinh cũng được tiến-bộ nhiều. Học luôn ba năm, đến cuối năm 1938 Hội cho mở một kỳ thi phát phần-thưởng tại chùa Quán-sứ, các học-sinh lần lượt ra chào mừng các Giáo-hữu và đem những phần đã học được nói chuyện cho các Giáo-hữu nghe, chặc các Giáo-hữu ở Hà-thành và các Độc-giả Đốc-Tuệ nghe giảng xem bài thi cũng đã rõ là học-lực của các học-sinh cũng đã đã tiến-bộ được một bước giải rồi.

Học để chầu đời tri-tuệ mà không có giới-pháp thì không hoàn-toàn giới thân tuệ-mệnh được (1) vì thế hai ngài Chánh đốc-giáo và các giáo-sư xét lại học-sinh, họ: đã biết đôi chút, mà tuổi đã đến kỳ thụ-giới được, cho nên mới trình cho Hội biết. Toàn ban Trị-sự tiếp được tin ấy, rất mừng rằng chốn-hưng Phật giáo, mới có ba năm trời mà đã đào-tạo được một số khá đông học-sinh có học-hạnh, đáng thụ-giới cụ-túc được như thế, nên đều đồng thanh cảm tạ hai cụ Chánh đốc-giáo và các giáo sư mà tỏ-chức ngay giới-đàn tại chùa Quán-sứ.

Về việc lập giới-đàn là việc rất khó, không phải là nững bậc luật-sư thâm-biểu giới-luật Phật không thể xếp đặt được. Vì thế nên hội chỉ trông nom đại-cương mà việc tỏ-chức giới-đàn thì xin hoàn toàn nhờ hai vị Chánh đốc-giáo và cụ giám-tràng là cụ Cồn lo liệu cho.

Phương-pháp lập giới-đàn, rất là tiem-lắt, không thể nói tóm tắt một đôi câu cho hết được, vậy chia ra từng mục thuật rõ như sau này :

### I. Lễ xám

Gọi là giới đàn, thì thâm ý là ở chỗ: phải chùa sạch tội lỗi, phải giữ đúng những điều Phật đã dạy cấm, cho nên trước khi truyền thụ giới luật, cần phải lễ xám để cho ba-nghịệp thân-niệm-ý thanh tịnh đã. Ba nghịệp có thanh-tịnh thì mới vào trong đàn giới mà lĩnh-thụ pháp-khi được. Cứ theo đúng phép thì cả giới-sư và giới-tử đều phải lễ-xám trong 40 ngày, nhưng vì ngày nay mọi việc còn đang làm dở dang, e làm nhiều ngày quá thì đọng cả mọi việc, nên mới chám-chước làm trong 21 ngày mà cử thụ-giới-tọa Tổ-Liên thay mệnh các giới-sư đốc-xuất các giới-

(1) Trong các vị thụ-giới này, có vị mới thụ sa-di thì thụ-giới cụ-túc, các hình-dùng thì thụ-giới sa-di, các vị phát đại thừa tâm thì thụ-giới bồ-tát.

tử làm lễ. Hai tuần thứ nhất và thứ hai, các giới-tử làm lễ ở bên chùa Bồ-đề đến ngày 27 tháng một ta (6-1.40) mới lễ-tạ ở chùa Quán-sứ. Các giới-tử có những vị này :

Giới Tỷ-kheo : 1. Tâm-tịch, ở Yên-bái, 2. Tâm-giác ở Nam-dịnh, 3. Tâm-Chính, ở Ninh-binh; 4. Giải-ngạn, ở Quảng-ngãi, 5. Tâm-từ, ở Hưng-yên, 6. Tâm-nguyên, ở Hà-nam, 7. Tâm-minh ở Nam-dịnh, 8. Tâm-ấn, ở Hưng-yên, 9. Tâm-thông ở Nam-dịnh.

Giới Sa-di : 1. Tâm-nhân, ở Nam-dịnh, 2. Tâm-kiên ở Hà-dông, 3. Tâm-từ ở Hưng-yên, 4. Tâm-phục, ở Hà-nam, 5. Tâm-cổ, ở Nam-dịnh, 6. Tâm-dịnh, ở Nam-dịnh, 7. Tâm-lạc, ở Hà-dông, 8. Tâm-khoan ở Thái-binh, 9. Tâm-ấn ở Hưng-yên, 10. Tâm-đạo ở Hưng-yên, 11. Tâm-tu ở Kiến-an, 12. Tâm-khả ở Hà-dông.

Giới Bồ-tát : 1. Tâm-đăng ở Hưng-yên, 2. Tâm-chính ở Ninh-binh, 3. Giải-ngại, ở Quảng-ngãi, 4. Tâm-cần, ở Hà-nam, 5. Tâm-từ, Hưng-yên và các vị hơn mười vị.

Ngũ giới, Tâm-hành và có ưu-bá-di hơn ba mươi vị.

Đàn Sám-bày ở ngoài Giảng-đường, trên nhất là tượng đức Bản-sư Thích-ca mâu-ny, hai bên bày hương hoa đèn nến, rất là trang-nghiêm rực-rỡ, thứ đến chỗ Xám-chủ, rồi cứ cách một cái án giải trên có bày hương hoa đèn nến rất chỉnh tề lại đến một hàng giới tử năm người lễ, chia khoảng đứng gần kín cả giảng đường, các thiện tín đến lễ rất đông. Mỗi hương án có để một tấm gương để cho các giới-tử vừa lễ vừa quán tưởng.

(còn nữa)

### Vâng giữ lấy đạo

Phật dạy : học rộng nghe nhiều, mà chỉ chuộng đạo, thời khó hiểu được; bền chí vâng giữ lấy đạo, đạo đó mới lớn lao.

# THỜI SỰ

## TIN TRONG NƯỚC

**Bệnh đau màng óc :** Trước từ mấy lĩnh Thượng-du, nay đã lan về các tỉnh Trung-châu, ở Hải-phòng có nhiều người mắc, đã có mấy tràng học phải tạm nghỉ học. Bệnh này lúc mới mắc, thấy sốt và nhức đầu nhiều, rồi dần mà là chết, có người mắc phải trong nửa ngày đã chết. Nhà nước đã sức cho các sở Y-tế hết sức đề phòng. Bệnh này truyền nhiễm được, nên ai bất hạnh mắc phải, phải đem lên nhà thương điều trị ngay.

**Lễ cầu siêu tại chùa Quán-sứ :** Hôm mồng năm tháng giêng ta vừa rồi, tại chùa Quán-sứ đã làm lễ cầu siêu cho các nhân viên bị nạn ném bom ở đường xe lửa Văn nam, có quan Toàn-quyền, quan Tổng-sứ, quan Đốc-ly và các quan Tây Nam đến dự lễ, các thiện-tín đến lễ rất đông, lễ làm cực kì trang-nghiêm, kỳ sau sẽ tường-thuật đề các độc-giả rõ.

## TIN THẾ GIỚI

**Mặt trận Anh Pháp Đức :** Tại mặt trận Pháp mấy hôm nay không có sự gì quan-trọng xảy ra cả. Chỉ có một trận nhỏ ở mé đông sông Nied. Một đội quân Pháp bị quân mai phục Đức đánh thiệt hại mất mấy người,

Ngoài biên một chiếc Giệt-ngư-lôi của Anh là tàu Dazing bị đánh đắm, số người mất tích là 9 sĩ quan và 148 Thủy-thủ.

Tàu chiến Pháp bắt được một tàu buôn Đức, tàu chiến Anh cũng bắt được một tàu buôn Đức.

**Mặt trận Nga, Phần :** Mấy hôm nay tin Nga thì nói Nga thắng nhiều trận ở khu Carélie, tin Phần thì nói quân Nga tiến công vào quân Phần ở Vjnh Phần an và Vooksi; bị quân Phần đánh lui.

**Tin Trung Nhật :** Hãng Reuter thông tin rằng Tổng trưởng bộ Chiến-tránh là Hà-ưng Khâm đã tuyên-bố chính-thức ở Trùng-khánh rằng hiện quân Nhật đang bị thất-bại ở Nam-ninh và đang sửa soạn bỏ thị-chấn ấy. Quân Tàu chỉ còn cách Nam-ninh không đầy 10 cây số.

|                      |  |      |
|----------------------|--|------|
|                      | Hanoi  | 1.00 |
|                      | 104 Blockaus Nord Hanoi                              | 1.00 |
| M. Nguyễn-duy-Sửu    | P. T. T.   | 1.00 |
| M. Vũ-nhiếp-Kỳ.      | 34 Grand Bouddha Hanoi                               | 1 00 |
| M. Trần-văn-Bíuh,    | 14 Ruelle des Graines Hanoi                          | 1.00 |
| M. Phùng-văn-Lợi,    | 18 Ruelle Hồng phúc Hanoi                            | 1. 0 |
| M. Nguyễn-văn-Trọng, | 192 Bach-mai Hanoi                                   | 1 00 |
| M. Nguyễn-văn-Châm,  | 17 Ruelles des Tubercules<br>Hanoi                   | 1.00 |
| M. Nguyễn-văn-Thìn,  | 16 Ruelle Phất-lộc Hanoi                             | 1.00 |
| M. Nguyễn-văn-Kiến,  | làng Bình-vọng Hà-đông                               | 1.00 |
| M. Lê-văn-Thành,     | làng Kiêu-kị Bắc-ninh                                | 1.00 |
| M. Hoàng-đình-Đạt,   | thôn Đông-la xã Hào-xuyên,<br>huyện Yên-mỹ, Hưng-yên | 0.30 |
| M. Hoàng-đình-Tbi,   | thôn Đông-la xã Hào-xuyên,<br>huyện Yên-mỹ, Hưng-yên | 0.50 |
|                      | (còn nữa)  |      |

M. Phạm-van...  
đã trả đủ cả rồi.

M. Trần-thiện-Gia, chùa Tháp-phương Rạch-giá, tiền báo ngài trả đủ rồi (đã nhận được mandat 3p00).

M. Ký-Lương và Nguyễn-thanh CÂN, 227 Sadi Carnots Haiphong, đã nhận được 3p.00.

M. Phạm-thành-Hiệu, 69 Belgique Haiphong đã nhận 1.50

M. Thiện-Bảo Haiphong. Bài của ngài gửi, không nhận được.

M. Hoàng-văn-Thung. Thiệu tở An-lạc. Số tiền báo là 2p20 gửi giả bằng cách mua mandat ở nhà giấy thép hay mua 37 cái tem 6 xu bỏ vào phong-bì gửi kín cũng được đề tên ông Cung-dinh-Bình. Quản-ly báo Đuốc-Tuệ, 73 Richard Hanoi Ngài lại nên nhớ biên tên ngài vào mandat

M. Lê-dăng-Lại Hưng-hóa. Ngài mua 25 cái tem 6 xu rồi gửi bảo-đảm lên giả, hay mua mandat giấy thép 1p50 giả thì tiện nhất. Nhưng xin nhớ biên tên ngài vào mandat ngoài đề tên ông Cung-dinh-Bình quản-ly Đ. T. 73 Rue Richard Hanoi.

---

Imp. ĐUỐC-TUỆ.

Quản-ly CUNG-ĐÌNH-BÌNH